

Số: 2550/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 24 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao định mức cán bộ, nhân viên đối với các cơ sở Bảo trợ xã hội  
và lao động đối với các tổ chức Hội năm 2018**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2018-2021 và giao biên chế công chức, tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh Quảng Nam;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1324/TTr-SNV ngày 17/8/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao định mức cán bộ, nhân viên đối với cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, định mức lao động đối với các tổ chức Hội năm 2018 theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định phân bổ định mức đối với các đơn vị, bộ phận trực thuộc (nếu có) bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; đồng thời, triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Nội vụ, Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng định mức và quỹ tiền lương được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

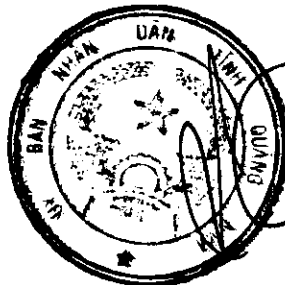
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / *lvt*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Bộ LĐ – TB&XH (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- CPVP; các Phòng Chuyên viên;
- Lưu: VT, NC.

*G:\Dropbox\2018.Van Anh\So Noi vu\3. Ve bien che\Biên chế 2018\QD giao định mục cho các Cơ sở BTXH và Hội 2018 (tách TT+ 1324 SNV).doc*

**CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Thu**



**Phụ lục 1:**

**ĐỊNH MỨC CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số: 2550 /QĐ-UBND ngày 24/8/2018

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Định mức cán bộ, nhân viên năm 2018						
		Tổng	Phân loại		Trong đó			
			Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng lao động	Sự nghiệp Y tế		Sự nghiệp khác	
					Biên chế	Hợp đồng lao động	Biên chế	Hợp đồng lao động
1	2	3	4	5	8	9	10	11
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội Quảng Nam	64	20	44	5	38	15	6
2	Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần Quảng Nam	66	21	45	8	37	13	8
3	Làng Hòa Bình Quảng Nam	63	19	44	7	36	12	8
4	Cơ sở Cai nghiện ma túy Quảng Nam	41	18	23	3	18	15	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>234</b>	<b>78</b>	<b>156</b>	<b>23</b>	<b>129</b>	<b>55</b>	<b>27</b>

**Phụ lục 2:**  
**ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CÁC TỔ CHỨC HỘI NĂM 2018**  
*(Kèm theo Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 24/8/2018*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên tổ chức Hội	Định mức lao động năm 2018			Tăng/giảm so với năm 2017
		Tổng	Phân loại		
			Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng lao động	
<b>I</b>	<b>Hội đặc thù</b>	<b>88</b>	<b>59</b>	<b>29</b>	<b>0</b>
1	Liên hiệp các hội Khoa học-Kỹ thuật	7	5	2	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4	4		
3	Hội Văn học- Nghệ thuật	7	7		
4	Hội Nhà báo	4	3	1	
5	Hội Luật gia	4	4		
6	Liên minh Hợp tác xã	14	14		
7	Hội Khuyến học	4	2	2	
8	Hội Người mù	4	4		
9	Hội Chữ thập đỏ	12	10	2	
10	Hội Từ thiện	4	2	2	
11	Hội Đông y	4	4		
12	Hội Từ yêu nước	4		4	
13	Hội Cựu thanh niên xung phong	4		4	
14	Ban Đại diện hội Người cao tuổi	4		4	
15	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	4		4	
16	Hội Bảo trợ Người tàn tật- trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo	4		4	
<b>II</b>	<b>Hội không đặc thù</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Hội Làm vườn	3	3		
<b>Tổng cộng (I+II)</b>		<b>91</b>	<b>62</b>	<b>29</b>	<b>0</b>